

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2018/HC-PT
Ngày 29 - 8 - 2018
V/v Khiếu kiện Quyết định giải quyết
kiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh;
Ông Phạm Trí Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 407/2017/TLPT - HC ngày 31 tháng 10 năm 2017 về việc “Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2017/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 195/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1/. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 31, đường S, khu phố L, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2/. Ông Bùi Thanh M, sinh năm 1970.

3/. Ông Bùi Như L, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: thôn B, xã H1, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M, ông L: Ông Bùi Văn T.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc Th – Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện H. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Bùi Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Bùi Văn T, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Thanh M, Bùi Như L trình bày:

Bà Nguyễn Thị B (mẹ ông Bùi Văn T) được Ủy ban nhân dân huyện H cấp chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp cụ thể như sau:

Tại Quyết định số 636/QĐ-UB ngày 31/12/1997 UBND huyện H cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Nguyễn Thị B với diện tích đất là 8,1ha tọa lạc tại thôn N, xã H1.

Tại Quyết định số 1008/QĐ-UB ngày 31/12/1998 UBND huyện H cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Nguyễn Thị B với diện tích đất là 4,2ha tọa lạc tại thôn 2, xã H2.

Sau khi được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất bà B và ông Bùi Thanh M (em trai ông T) sử dụng đất ổn định (tại thời điểm được giao đất mẹ và em tôi sống chung một hộ khẩu tại thôn A, xã H1). Năm 2001, bà B mất, ông và em trai tiếp tục canh tác trên diện tích đất này.

Đến ngày 15/7/2002, UBND huyện H ban hành quyết định số 952/QĐ/CT-UB-HTB về việc: “Thu hồi đất sản xuất nông nghiệp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị B, công dân thôn B, xã H2 (thực tế là xã H1)” với các nội dung sau:

1/ Thu hồi các diện tích 42.000m² đất sản xuất nông nghiệp tại thôn 2, xã H2 và 81.000m² đất sản xuất nông nghiệp tại thôn 4, xã H1 thuộc vùng nguyên liệu 667,5ha, do bà Nguyễn Thị B nguyên là công dân xã H1, đã mất năm 2001 đứng tên quản lý, sử dụng từ năm 1996 cho đến nay.

Lý do: Theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận tại công văn số 1283/UBBT.NC ngày 10/5/2002 (viết tắt là: Quyết định 952), về kết luận thanh tra đất trồng mía nguyên liệu Nhà máy đường Bình Thuận.

2/ Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với diện tích đất nói trên cho bà Nguyễn Thị B theo quyết định 636/QĐ.UB ngày 31/12/1997 và 1008/QĐ.UB ngày 31/12/1998 của Chủ tịch UBND huyện H.

Không đồng ý với quyết định số 952, ông T đã làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND huyện H. Tại Quyết định số 6405/QĐ-UBND ngày

18/10/2016, Chủ tịch UBND huyện H không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông với lý do:

Việc UBND huyện ban hành Quyết định số 952/QĐ/CT-UB-HTB ngày 5/7/2002, về việc thu hồi đất sản xuất nông nghiệp và giấy chứng nhận QSD đất của bà Nguyễn Thị B, công dân thôn B, xã H1 là đúng theo nội dung kiến nghị của Đoàn thanh tra tại báo cáo số 121/BC/TTBT/KTXH ngày 9/4/2002 về Thanh tra việc giao đất và sử dụng đất trồng mía của nhà máy đường Bình Thuận, tại công văn số 1283/UTBT-NC ngày 10/5/2002 về kết luận thanh tra đất trồng mía nguyên liệu nhà máy đường Bình Thuận.

Ông T khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 952/QĐ/CT-UB-HTB ngày 05/7/2002 về việc thu hồi đất sản xuất nông nghiệp và giấy chứng nhận QSD đất của bà Nguyễn Thị B, công dân thôn B, xã H1 và Quyết định số 6405/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của UBND huyện H giải quyết khiếu nại của ông; khôi phục lại quyền sử dụng đất hợp pháp đối với hai diện tích đất 81.000m² tại xã H1; và diện tích 42.000m² ở xã H2 cho bà Nguyễn Thị B.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T cho thấy:

+ Việc UBND huyện H ban hành quyết định số 952/QĐ/CT-UB-HTB ngày 5/7/2002 về việc thu hồi đất sản xuất nông nghiệp và giấy chứng nhận QSD đất của bà Nguyễn Thị B, công dân thôn B, xã H1 là đúng với nội dung kiến nghị của Đoàn Thanh tra tại báo cáo số 121/BC/TTBT.KTXH ngày 09/4/2002 và đúng yêu cầu chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận tại công văn số 1283/UBBT.NC ngày 10/5/2002, về kết luận thanh tra đất trồng mía nguyên liệu Nhà máy đường Bình Thuận.

+ Việc UBND huyện H ban hành quyết định số 6405/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T, thường trú tại khu phố L, TT. M, huyện H, tỉnh Bình Thuận (lần đầu) là đúng với quy định của luật khiếu nại năm 2011 và thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Đối với diện tích đất 81.000m² hiện ông T đang sử dụng thì UBND huyện sẽ cho ông T thuê nếu ông T có đơn yêu cầu. Đối với diện tích đất 42.000m² đã giải quyết nên UBND không xem xét.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2017/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 34 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T về việc yêu cầu:

- Hủy một phần quyết định số 6405/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T, thường trú tại khu phố L, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận (lần đầu).

- Hủy một phần quyết định số 952/QĐ/ UB-HTB ngày 5/7/2002 về việc thu hồi đất sản xuất nông nghiệp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị B, công dân thôn B, xã H1. Tại Quyết định số 1008/QĐ-UB ngày 31/12/1998 UBND huyện H cấp giấy chứng nhận QSD đất cho bà Nguyễn Thị B với diện tích đất là 4,2ha tọa lạc tại thôn 2, xã H2.

Khôi phục lại quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích 42.000m² ở xã H2 cho bà Nguyễn Thị B.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu của quyết định số 952/QĐ/UB-HTB ngày 5/7/2002 và một phần quyết định số 6405/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện H về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Văn T, thường trú tại khu phố L, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận (lần đầu).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 05/9/2017, người khởi kiện ông Bùi Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ông T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do: Biên bản phiên tòa sơ thẩm ghi người khởi kiện rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 4,2ha nhưng tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện xác nhận là không rút; đồng thời nội dung này cũng mâu thuẫn với phần quyết định của bản án. Ngoài ra, cấp sơ thẩm tuyên khôi phục lại quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích 4,2ha ở xã H2 cho bà B. Tuy nhiên phần diện tích đất này đã được giao cho bà Lê Thị Nh. Cấp sơ thẩm không đưa bà Nh vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo đơn khởi kiện, ông Bùi Văn T yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 952/QĐ/CT-UB-HTB ngày 05/7/2002 về việc thu hồi đất sản xuất nông nghiệp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị B, Quyết định số

6405/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của Ủy ban nhân dân huyện H về việc giải quyết khiếu nại đối với Quyết định 952/QĐ/CT-UB-HTB; Khôi phục lại quyền sử dụng đất hợp pháp đối với hai diện tích đất 81.000m² tại xã Hàm Tích 42.000m² ở xã H2 cho bà Nguyễn Thị B. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T chỉ còn giữ yêu cầu khởi kiện đối với một phần Quyết định số 952/QĐ/CT-UB-HTB ngày 05/7/2002 về việc thu hồi diện tích 42.000m² đất sản xuất nông nghiệp tại thôn 2, xã H2 và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với diện tích đất nói trên cho bà Nguyễn Thị B theo Quyết định số 1008/QĐ-UB ngày 31/12/1998 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, đồng thời yêu cầu khôi phục lại quyền sử dụng đất của bà B đối với diện tích đất này.

Năm 2007, diện tích đất 42.000m² nêu trên đã được Ủy ban nhân dân huyện H giao cho bà Lê Thị Nh, bà Nh cũng là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Nh vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét khi giải quyết vụ án là thiếu sót nghiêm trọng về tố tụng.

Về tính hợp pháp của Quyết định số 952/QĐ/CT-UB-HTB và Quyết định số 1008/QĐ-UB ngày 31/12/1998:

Ngày 17/01/1997, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 99/QĐ/UBBT về việc “thu hồi đất và giao đất cho Nhà máy đường Bình Thuận để sản xuất mía tập trung”.

Ngày 19/12/1997, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 2775/QĐ/UBBT về việc thu hồi diện tích đất sản xuất mía nguyên liệu do Nhà máy đường Bình Thuận quản lý để giao cho Ủy ban nhân dân huyện H quản lý, cấp cho các hộ nông dân và tổ chức có hợp đồng trồng mía với Nhà máy đường theo Quyết định số 99/QĐ/UBBT ngày 17/01/1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Ngày 31/12/1998, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 1008/QĐ-UB ngày 31/12/1998 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị B với diện tích đất là 4,2ha tọa lạc tại thôn 2, xã H2.

Ngày 15/7/2002, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 952/QĐ/CT-UB-HTB về việc thu hồi đất sản xuất nông nghiệp và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị B.

Ủy ban nhân dân huyện H cho rằng trường hợp giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B (bà B đã chết vào năm 2001) là không đúng quy định vì tại thời điểm giao đất hộ gia đình bà B không có nhân khẩu lao động, khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà B đã được 67 hoặc 68 tuổi theo năm sinh của bà là năm 1930. Việc giao diện tích đất hơn 12ha ở 02 xã là không phù hợp với khả năng lao động và điều kiện sản xuất của bà B. Mặt khác tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 996280 cấp cho bà B

không ghi tổng diện tích được sử dụng, thời hạn sử dụng có dấu hiệu bị sửa chữa. Trên cơ sở báo cáo của Đoàn Thanh tra ngày 10/5/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận có Công văn 1283/UBBT.NC về việc giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H thu hồi đất đã giao cho bà Nguyễn Thị B.

Tuy nhiên, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với bà B đối với diện tích 42.000m² gồm Danh sách đủ điều kiện đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 95), Biên bản xét duyệt đơn đăng ký quyền sử dụng đất (BL 96), Tờ trình về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giải quyết trường hợp chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 97) thể hiện bà B đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo Báo cáo 121/BC/TTBT.KTXH ngày 9/4/2002 (BL 128) thể hiện hộ bà B hiện do con bà B là Bùi Như L đang sử dụng 4,2 ha để trồng mía. Như vậy, hộ gia đình bà B có nhân khẩu lao động và sử dụng đất đúng mục đích.

Ngoài ra, kết luận thanh tra cũng không chỉ ra hộ bà B trước đây có ký hợp đồng trồng mía với Nhà máy đường Bình Thuận hay không.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện H và xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc thu hồi đất của bà B vào thời điểm năm 2002 có đúng các căn cứ quy định tại Điều 3, Điều 26 của Luật đất đai năm 1993 được sửa đổi bổ sung năm 2001 hay không. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện xác định tại phiên tòa sơ thẩm ông không rút yêu cầu đối với khiếu nại diện tích đất 42.000m². Tuy nhiên, phần tuyên án và biên bản phiên tòa của cấp sơ thẩm lại bác yêu cầu kháng cáo đối với phần diện tích này là có mâu thuẫn với nội dung giải quyết vụ án.

Như đã phân tích Tòa án cấp sơ thẩm thiếu sót về việc đưa người tham gia tố tụng là bà Lê Thị Nh, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa đối chiếu đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án là thiếu sót nghiêm trọng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại mới đảm bảo giải quyết triệt để vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2017/HC-ST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giữa người khởi kiện là ông Bùi Văn T, ông Bùi Thanh M, ông Bùi Như L với người

bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

3. Về án phí: Ông T không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả lại ông T 300.000 đồng tạm án phí theo biên lai số 0017378 ngày 12/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trí Tuấn

Nguyễn Văn Minh

Trần Thị Thu Thủy